TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 174/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 20 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1989; Căn cước công dân số 046189006163 cấp ngày 05/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Nơi thường trú: Thôn T, xã C - L, thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Thôn T, xã C - L, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Phan Văn N1, sinh năm 1989; Căn cước công dân số 046089005453 cấp ngày 05/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Địa chỉ: Thôn T, xã C - L, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phan Văn N1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phan Văn N1 công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Phan Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 01/12/2017 và Phan Nguyễn Linh T, sinh ngày 09/10/2019. Chị N và anh N1 thỏa thuận giao hai cháu Phan Nguyễn Linh Đ và Phan Nguyễn Linh T cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phan Nguyễn Linh Đ và Phan Nguyễn Linh T trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn N1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu (3.000.000 đồng/2 cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi cháu Phan Nguyễn Linh Đ và Phan Nguyễn Linh T trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Phan Văn N1 không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn yêu cầu thi hành án, anh Phan Văn N1 không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phan Văn N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phan Văn N1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Phan Văn N1 phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng nay chị Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Cẩm N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000896 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 – Huế;
- UBND xã Chân Mây – Lăng Cô, TP Huế;
(Đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại
UBND xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc cũ)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng